**BÀI 10. SỐ NGUYÊN TỐ**

Môn: Toán 6 (Đại số)

Thời gian thực hiện: 02 tiết. Tiết PPCT: 17, 18

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

- Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.

**2. Năng lực**

***\* Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được một số nguyên tố, hợp số.

- Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Tivi, giáo án PPT, thước thẳng, bảng phụ, KHBD, SGK, phiếu học tập 1,2,3, phấn màu...

**2. Đối với học sinh**: SGK, vở ghi chép, vở nháp, dụng cụ học tập, bảng nhóm, bút lông, tìm hiểu trước bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

***a) Mục tiêu:*** HS thấy được khái niệm số nguyên tố và hợp số rất gần với đời sống hằng ngày.

***b) Nội dung:*** HS đọc và giải thích vì sao cắm được hay không cắm được?

***c) Sản phẩm:*** Trả lời được tình huống đặt ra.

***d) Tổ chức thực hiện:***

**- Phương pháp dạy học:** Đặt và giải quyết vấn đề

**- Kỹ thuật dạy học**: Chia sẻ nhóm đôi

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: Không đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Yêu cầu HS đọc và giải thích tình huống theo cặp đôi.- Yêu cầu HS trả lời 2 trường hợp sau”+ Nếu bỏ ra 1 bông+ Bỏ ra 2 bông**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS quan sát và trao đổihoàn thành yêu cầu của GV**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**GV gọi đại diện nhóm nhanh nhất trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới | Không cắm được vì số 11 không chia hết cho bất kì số nào ngoài 1 và 11.- Khi bỏ đi 1 bông thì còn 10 bông thì cắm được vào 2 lọ mỗi lọ 5 bông hoa, …Tương tự đối với trường hợp còn lại. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1. Số nguyên tố và hợp số**

***a) Mục tiêu:***

- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

- Vận dụng dấu hiệu chia hết để kiểm tra số nào là hợp số và số nào là số nguyên tố.

- Giải thích đươc một số lớn là hợp số bằng cách sử dụng dấu hiệu chia hết và phát triển khả năng suy luận cho HS.

***b) Nội dung:*** Thực hiện các **HĐ1, HĐ2, HĐ3** SGK trang 38**; Luyện tập 1,2, ví dụ 1 và thử thách hỏ** SGK trang 39.

***c) Sản phẩm:*** HS nắm được khái niệm số nguyên tố, hợp số.

***d) Tổ chức thực hiện:***

**- Phương pháp dạy học:** Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Động não

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS qua thang đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV yêu cầu HS thực hiện lần lượt các **HĐ1; HĐ2; HĐ3** trang 38 SGK.+ GV tổ chức chia nhóm cho HS thực hiện **HĐ1**, **HĐ2, HĐ3** trang 38 SGKbằng cách yêu cầu từng nhóm HS vẽ lại bảng 2.1 trang 38 SGK vào bảng nhóm và tự điền vào bảng 2.1 trang 38 SGK.+ Yêu cầu các nhóm điền các số có hai ước và nhiều hơn hai ước vào bảng do GV kẻ sẵn trên bảng.+ GV phân tích, cho HS đọc kết luận nội dung trong *Hộp kiến thức.*+ GV yêu cầu HS hoạt động nhóm lên điền các số nguyên tố, hợp số vào bảng mà GV đã kẻ sẵn trên bảng.- *GV phát thang đánh giá*: Đánh giá sự tham gia, hoàn thành nhiệm vụ và tinh thần hợp tác của học sinh trong các hoạt động họctập cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm. (Ở phụ lục)+ GV cho hs nhận xét và đưa ra kết luận.+ GV yêu cầu HS nhắc lại dấu hiệu chia hết cho 2 và 5. Từ đó chỉ ra số nào là số nguyên tố hay hợp số.+ GV phân tích và chữa mẫu cho HS **Ví dụ 1** trang 39 SGK**.**+ GV yêu cầu HS tự làm và gọi một HS lên bảng trình bày lời giải.+ GV đưa ra kết luận.+ GV tổ chức cho HS thực hiện “ *Thử thách nhỏ”* SGK trang 39 bằng cách chia nhóm và thi đua xem nhóm nào làm nhanh nhất. ( Kết hợp với bóng nói của nhân vật để tra bảng số nguyên tố nhỏ hơn 1000.+ GV đưa ra các kết luận đúng sai của từng phương án.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện các yêu cầu của GV và hoàn thành bảng 2.2 SGK trang 38.+ *Dự kiến khó khăn*: HS còn nhầm lẫn giữa số nguyên tố và hợp số. GV hướng dẫn HS. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi đại diện nhóm nhanh nhất lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS hình thành kiến thức mới.*(Lưu ý cho HS: Số 2 là số nguyên tố nhỏ nhất và là số nguyên tố chẵn duy nhất).*GV yêu cầu HS đọc phần đóng khung và đánh dấu học. - GV đánh giá HS thông qua thang đánh giá. | **1. Số nguyên tố và hợp số****Chia nhóm các số tự nhiên theo số ước****HĐ1** SGK trang 38

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số** | **Các ước** | **Số ước** |
| 2 | 1; 2 | 2 |
| 3 | 1; 3 | 2 |
| 4 | 1; 2; 4 | 3 |
| 5 | 1;5 | 2 |
| 6 | 1; 2; 6 | 4 |
| 7 | 1; 7 | 2 |
| 8 | 1; 2; 4; 8 | 4 |
| 9 | 1 ;3; 9 | 3 |
| 10 | 1; 2; 5; 10 | 4 |
| 11 | 1; 11 | 2 |

**HĐ2** SGK trang 38- Nhóm A: 2, 3, 5, 7, 11.- Nhóm B: 4, 6, 8, 10.**HĐ3** SGK trang 38a) Số 1 có một ước.b) Số 0 chia hết cho 2, 5,7, 2017, 2018. Số 0 có vô số ước.**\*Kết luận****- Số nguyên tố** là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.- **Hợp số** là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.***Chú ý***: Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và không là hợp số.**Luyện tập 1** SGK trang 39

|  |  |
| --- | --- |
| **Số nguyên tố** | **Hợp số** |
| 11; 7; 5; 3; 2 | 10; 9; 8; 6; 4 |

Ví dụ 1 SGK trang 39a) Số 1975 có tận cùng là 5 nên nó chia hết cho 5. Do đó, ngoài hai ước là 1 và 1975 nó còn có thêm ước là 5. Vậy 1975 là hợp số.b) Số 17 chỉ có hai ước là 1 và 17 nên nó là số nguyên tố.**Luyện tập 2** SGK trang 39a) Số 1930 có tận cùng là 0 nên nó chia hết cho 2 và 5. Do đó, ngoài hai ước là 1 và 1930 nó còn có thêm hai ước là 2 và 5. Vậy 1930 là hợp số.b) Số 23 là số nguyên tố vì nó chỉ có hai ước là 1 và 23.**Thử thách nhỏ** SGK trang 39Hà có thể đi như sau:7 - 19 - 13 - 11 - 23 - 29 - 31 - 41 – 17 – 2. |

**2.2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố**

***a) Mục tiêu:***

- Ôn lại khái niệm ước và thừa số để có khái niệm thừa số nguyên tố.

- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố đồ cây và sơ đồ cột.

***b) Nội dung:*** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

***c) Sản phẩm:*** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức và làm được các bài tập **?.** **ví dụ 2** và **Luyện tập 3** SGK trang 40 - 41

***d) Tổ chức thực hiện:***

**- Phương pháp dạy học:** Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Chia sẻ nhóm đôi

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: Không đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**+ GV có thể viết một tích 12 = 2 × 6 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vai trò của 2 là gì trong tích và 2 là số nguyên tố hay hợp số?=> Từ đó đưa ra khái niệm thừa số nguyên tố.+ GV thuyết trình giảng cho HS, sau đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi **?**. ( để kiểm tra xem HS đã hiểu được vấn đề phân tích một số ra thừa số nguyên tố hay không? )+ GV cho HS trao đổi, thảo luận phần tranh luận đưa ra kết luận: Vuông đúng.+ GV kết luận hình 2.1 SGK trang 40 là sự phân tích ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây. (GV giảng và phân tích cho HS hiểu và biết cách làm PP phân tích theo sơ đồ cây.)+ GV yêu cầu HS làm **?**. SGK trang 40 và điền các số thay các dấu ? trong sơ đồ cây.+ GV thuyết trình giảng cho HS hiểu và biết cách làm PP phân tích theo sơ đồ cột.+ GV choHS rút ra nhận xét.+ GV nêu câu hỏi **?.**+ GV yêu cầu HS làm và trình bày Ví dụ 2 vào vở.+ GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi làm **Luyện tập 3** SGK trang 41 và yêu cầu hai HS lên bảng trình bày lời giải.-> GV kết luận tính đúng sai của lời giải đó.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Phương pháp phân tích ra thừa số nguyên tố:+ Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây.+ Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột. | **2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.***\* Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố:*- Mọi hợp số đều có thể phân tích được thành tích của các thừa số nguyên tố. **VD:** 24 = 2.3.2.2 = 2.2.2.2.3 = 23.3- Người ta quy ước dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của một số nguyên tố là chính nó.**VD:** 3 = 3; 11 = 11.- Khi phân tích một số ra thừa số nguyên tố, trong kết quả ta thường viết các thừa số theo thứ tự từ bé đến lớn và viết tích các thừa số giống nhau dưới dạng lũy thừa.**?** SGK trang 40Việt phân tích chưa đúng vì 4 không phải là thừa số nguyên tố.Viết lại: 60 = 3 × 22 × 5\* *Phương pháp phân tích theo sơ đồ cây*:=> 24 = 23.3=> 24 = 23.3**?** SGK trang 40\* *Phương pháp phân tích theo sơ đồ cột*:Vậy 24 = 23. 3\* Nhận xét: Trong hai cách phân tích số 24 ra thừa số nguyên tố, nếu viết các thừa số nguyên tố theo thứ tự từ bé đến lớn và tích các thừa số nguyên tố giống nhau dưới dạng lũy thừa thì dù phân tích bằng cách nào, ta cũng nhận được cùng một kết quả.**?** SGK trang 41Ví dụ 2 SGK trang 41**Luyện tập 3** SGK trang 41a) b)    |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:*** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

***b) Nội dung:*** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

***c) Sản phẩm:*** Kết quả của HS..

***d) Tổ chức thực hiện:***

**- Phương pháp dạy học:** Đặt và giải quyết vấn đề; Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Động não

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS qua thang đánh giá.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành các bài tập bài **2.19; 2.18; 2.17; 2.21** SGK trang 41.

*- GV phát thang đánh giá:* Đánh giá sự tham gia, hoàn thành nhiệm vụ và tinh thần hợp tác của học sinh trong các hoạt động họctập cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm. (Ở phụ lục)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nhận nhiệm vụ và hoạt động nhóm 8 hoàn thành các bài tập **2.19; 2.18; 2.17; 2.21** SGK trang 41.

- Dự kiến khó khăn: HS chưa hiểu rõ tìm ước và bội. GV hướng dẫn HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện một số nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chốt kết quả, nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức. GV đánh giá HS thông qua thang đánh giá.

**Kết quả**

**Bài 2.18** SGK trang 41

Kết quả của Nam sai. Vì 4 và 51 là hợp số, không phải là số nguyên tố.

Sửa lại: 120 = 23.3.5 ; 102 = 2.3.17

**Bài 2.17**SGK trang 41

70 = 2.5.7

115 = 5.23

**Bài 2.19**SGK trang 41

a) Ước nguyên tố của 30 là 5 và 6. **Sai** vì 6 là hợp số

b) Tích của hai số nguyên tố bất kì luôn là số lẻ. **Sai** vì 2.3 = 6 là số chẵn

c) Ước nguyên tố nhỏ nhất của số chẵn là 2. **Đúng**

d) Mọi bội của 3 đều là hợp số. **Sai** vì bội của 3 là 3 là số nguyên tố.

e) Mọi số chẵn đều là hợp số. **Sai** vì 2 là số chẵn và 2 không phải là hợp số.

**Bài 2.21** SGK trang 42

A = 44 . 95 = (22)4. (32)5 = 28.310

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

***a) Mục tiêu:*** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.

***b) Nội dung:*** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Kết quả của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

**- Phương pháp dạy học:** Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Động não

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: Không đánh giá

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành các bài tập vận dụng:**bài 2.23; 2.24** SGK trang 42.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nhận nhiệm vụ và hoàn thành các bài tập **2.23; 2.24** SGK trang 42.

- GV quan sát và hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chốt kết quả, nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức.

**Kết quả**

**Bài 2.23** SGK trang 42

Số người trong nhóm lớn hơn 1 và là ước của 30. Do đó số người trong một nhóm là 2 ; 3 ; 5 ; 6 ; 10 ; 15 hoặc 30.

**Bài 2.24** SGK trang 42

Ta có 33 = 1.33 = 3.11

Do đó có 4 cách :

33 chiến sĩ thành 1 hàng ;

33 hàng, mỗi hàng 1 chiến sĩ ;

3 hàng, mỗi hàng có 11 chiến sĩ ;

11 hàng, mỗi hàng có 3 chiến sĩ .

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bài và luyện tập phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng 2 cách: theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

- Đọc hiểu thêm mục “**Em có biết?**” cuối bài ( SGK trang 42)

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2.20; 2.22** trang 34 **SBT.**

- Xem trước các bài tập phần “**Luyện tập chung**”.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phụ lục**

Thang đánh giá mức độ tham gia hoạt động nhóm: (Dùng cho HS trong nhóm tự đánh giá)

\* Lưu ý: Cứ mỗi lần thảo luận, nhóm trưởng đánh dấu (x) vào tiêu chí đạt được cho mỗi HS

Tên nhóm thực hiện: …………………………Tên nhóm trưởng ………………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  Tên HSCác tiêu chí |  |  |  |  |  |  |
| Soạn bài và học bài. |  |  |  |  |  |  |
| Không soạn bài và học bài. |  |  |  |  |  |  |
| Tham gia thảo luận sôi nổi |  |  |  |  |  |  |
| Không hoặc rất ít khi tham gia thảo luận. |  |  |  |  |  |  |
| Hiểu và biết cách làm bài. |  |  |  |  |  |  |
| Không hiểu bài |  |  |  |  |  |  |
| Báo cáo kết quả rõ ràng.  |  |  |  |  |  |  |
| Báo cáo kết quả không rõ ràng. |  |  |  |  |  |  |
| Trả lời được các câu hỏi do GV đưa ra. |  |  |  |  |  |  |
| Không trả lời được các câu hỏi do GV đưa ra. |  |  |  |  |  |  |

**RÚT KINH NGHIỆM**

................................................................................................................................................

................................................................................................................................................

**LUYỆN TẬP CHUNG**

Môn: Toán 6 (Đại số)

Thời gian thực hiện: 01 tiết. Tiết PPCT: 19

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Củng cố, rèn luyện kĩ năng: Tìm các ước và bội; vận dụng tính chất chia hết của một tổng; vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3; phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**2. Năng lực**

***- Năng lực chung:***

+ Năng lực tự chủ và tự học: HS tự nghiên cứu và làm bài tập trong SGK

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng làm việc, thảo luận nhóm, cặp đôi thực hiện yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có đề xuất bài toán mới từ bài toán ban đầu.

***- Năng lực đặc thù:***

+ Sử dụng các ngôn ngữ, kí hiệu toán học vào trình bày lời giải bài tập.

+ Vận dụng kiến thức về quan hệ chia hết và phân tích một số ra thừa số nguyên tố để giải bài tập.

+ Vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 – Đối với GV:** SGK, giáo án PPT, KHBD, thước thẳng, 5 bút dạ (4 màu xanh và 1 màu đỏ)

**2 – Đối với HS:**

- SGK, đồ dùng học tập, giấy A1 theo nhóm.

- Ôn tập kiến thức từ bài 8 đến bài 10.

- Nghiên cứu và làm bài tập về tìm ước và bội của một số tự nhiên. Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

- Nghiên cứu để đề xuất các câu hỏi mới cho mỗi bài toán.

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** HS nêu lại các kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 10

**b) Nội dung:** HS phát biểu lại các kiến thức đã được học.

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức cơ bản từ bài 8 đến bài 10.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp dạy học:** Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Động não

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS qua thang đánh giá.

 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động, trình bày sơ đồ tư duy vào giấy A1 đã chuẩn bị và hoàn thành theo yêu cầu như sau: hoạt động nhóm 5 phút

+ Nhóm 1 và nhóm 2: Ước và bội và cách tìm ước và bội của một số tự nhiên.

+ Nhóm 2 và nhóm 4: Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

- GV phát thang đánh giá: Đánh giá sự tham gia, hoàn thành nhiệm vụ và tinh thần hợp tác của học sinh trong các hoạt động họctập cho các nhóm trưởng để các nhóm trưởng đánh giá các thành viên trong nhóm. (Ở phụ lục)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ

- Dự kiến khó khăn: HS quên cách tìm ước và bội. GV hướng dẫn HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm treo phần bài làm của mình. Đại diện lần lượt nhóm 1, 3 báo cáo. Các nhóm còn lại thảo luận, chia sẻ, bổ sung thông tin.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, chốt kiến thức(Chiếu phần tổng hợp kiến thức). Trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập. GV đánh giá HS thông qua thang đánh giá.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức để giải bài tập về bài toán vận dụng tìm ước và bội của một số, dấu hiệu chia hết cho 2 ; 3 ; 5 ; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố, toán vận dụng vào thực tế.

- HS bước đầu biết đề xuất bài toán đơn giản, tương tự.

**b) Nội dung:** HS làm bài tập **2.25 ; 2.26 ; 2.27 ; 2.28 ; 2.29** SGK trang 43 và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**c) Sản phẩm:** Học sinh trình bày lời giải các bài tập và trả lời được các câu hỏi của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp dạy học:** Hoạt động nhóm

**- Kỹ thuật dạy học**: Chia sẻ nhóm đôi

**- Hình thức kiểm tra đánh giá**: HS đánh giá lẫn nhau, GV đánh giá HS qua chấm vở BT.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ1:****-** GV yêu cầu HS tìm hiểu **ví dụ 1** và làm bài **2.27 ; 2.28**SGK trang 43**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1**HS hoạt động cặp đôi nghiên cứu ví dụ và làm các bài tập.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 1- Đại diện một số cặp đôi báo cáo kết quả.- Các HS khác theo dõi và bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định1**- GV chốt lại kết quả cuối cùng, yêu cầu HS xác điịnh kiến thức đã áp dụng.- GV yêu cầu HS đưa ra bài tập tương tự với các bài vừa chữa. Yêu cầu HS về nhà thực hiện.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ2****-** GV yêu cầu HS tìm hiểu **ví dụ 2** và làm bài **2.25**SGK trang 43**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2**HS hoạt động cặp đôi nghiên cứu **ví dụ 2** và làm bài tập **2.25**SGK trang 43.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 2- GV cho HS thảo luận tìm hiểu yêu cầu của bài tìm phương án giải bài tập.- Yêu cầu HS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định 2**- GV chốt lại kết quả cuối cùng, GV chấm vở một số HS và ghi điểm.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 3****-** GV yêu cầu HS tìm hiểu **ví dụ 3** và làm bài **2.26 ; 2.29**SGK trang 43**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**HS lần lượt hoạt động cặp đôi nghiên cứu **ví dụ 3;** làm bài tập **2.26** và hoạt động nhóm 6 em làm bài **2.29**SGK trang 43.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** 3- GV cho HS thảo luận cách phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố và tìm các cặp nguyên tố sinh đôi.- Yêu cầu HS lần lượt lên bảng giải bài tập **2.26** và đại diện nhóm trình bày bài **2.29** SGK trang 43 , HS khác làm vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định 3**- GV chốt lại kết quả cuối cùng.- Đưa ra bài tập được suy ra từ bài **2.26** SGK trang 43.**GV tổng kết**- Chốt lại kiến thức trọng tâm đã học từ bài 8 đến bài 10.- Lưu ý những sai lầm dễ mắc phải khi giải từng dạng bài tập.- Nhấn mạnh việc học sinh dần làm quen với khai thác, mở rộng bài tập đơn giản. | **1. Bài tập về quan hệ chia hết****Bài 2.27** SGK trang 43a) Ta có : 100 – x chia hết cho 4. Mà 100 chia hết cho 4 nên x chia hết cho 4.Do đó x là bội của 4 và không vượt quá 22.Vậy b) Ta có : 18 + 90 +x chia hết cho 9. Mà 18 và 90 chia hết cho 9 nên x chia hết cho 9.Do đó x là bội của 9 và không vượt quá 22.Vậy **Bài 2.28** SGK trang 43 GiảiSố người mỗi nhóm phải lớn hơn 3 và là ước của 40.Mà Ư(40) = {1 ; 2 ; 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 ; 40} Nên mỗi nhóm có thể có 4 ; 5 ; 8 ; 10 ; 20 hoặc 40 người.**Bài 2.25** SGK trang 43Giải**a)** Số cần viết chia hết cho 5 nên nó có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5. Vậy các số cần tìm là : 510 ; 150 ; 310 ; 130 ; 350 ; 530 ; 105 ; 305 ; 315 ; 135.**b)** Số cần viết chia hết cho 3 nên tổng các chữ số của nó phải chia hết cho 3. Vậy các số cần tìm là  510 ; 501 ; 105 ; 150 ; 135 ; 153 ; 315 ; 513 ; 531 ; 351.**2. Bài tập về số nguyên tố****Bài 2.26**SGK trang 43A=     B    **Bài 2.29**SGK trang 43Các cặp số nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn 40 là 3 và 5 ; 5 và 7 ; 11 và 13 ; 17 và 19 ; 29 và 31. |

**\*HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 10

- Hoàn thành các bài tập còn thiếu trên lớp

- Chuẩn bị bài mới**‘Ước chung. Ước chung lớn nhất ’**

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phụ lục**

Thang đánh giá mức độ tham gia hoạt động nhóm: (Dùng cho HS trong nhóm tự đánh giá)

\* Lưu ý: Cứ mỗi lần thảo luận, nhóm trưởng đánh dấu (x) vào tiêu chí đạt được cho mỗi HS

Tên nhóm thực hiện:…………………………Tên nhóm trưởng………………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  Tên HSCác tiêu chí |  |  |  |  |  |  |
| Soạn bài và học bài. |  |  |  |  |  |  |
| Không soạn bài và học bài. |  |  |  |  |  |  |
| Tham gia thảo luận sôi nổi |  |  |  |  |  |  |
| Không hoặc rất ít khi tham gia thảo luận. |  |  |  |  |  |  |
| Hiểu và biết cách làm bài. |  |  |  |  |  |  |
| Không hiểu bài |  |  |  |  |  |  |
| Báo cáo kết quả rõ ràng.  |  |  |  |  |  |  |
| Báo cáo kết quả không rõ ràng. |  |  |  |  |  |  |
| Trả lời được các câu hỏi do GV đưa ra. |  |  |  |  |  |  |
| Không trả lời được các câu hỏi do GV đưa ra. |  |  |  |  |  |  |

**RÚT KINH NGHIỆM**

........….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………